

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH



**SỰ KHAI SINH CỦA  
ĐẠO CAO ĐÀI  
TẠI MIỀN NAM VIỆT NAM**

KỶ NIỆM 100 NĂM  
NGÀY HOẰNG KHAI  
ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
1926 - 2025

Soạn Giả  
**CTS Lê Minh Hoàng**  
2024



**XIN LƯU Ý**

**QUYỂN SÁCH NÀY ĐANG ĐỢI  
HỘI THÁNH KIỂM DUYỆT**



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH



**SỰ KHAI SINH CỦA  
ĐẠO CAO ĐÀI  
TẠI MIỀN NAM VIỆT NAM**

KỶ NIỆM 100 NĂM  
NGÀY HOẰNG KHAI  
ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
1926 - 2025

Soạn Giả: **CTS Lê Minh Hoàng**  
Ấn Tổng: **CTS Lê Minh Châu**



**CHÁNH MÔN**



**TÒA THÁNH TÂY NINH**



**ĐIỀN THỜ PHẬT MẪU**





**ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC**  
**(1890 – 1959)**



# MỤC LỤC

1	Lời Tựa
3	Nguyên Nhân Sự Hiện Diện Của Pháp Tại Việt Nam
8	Chính Sách Cai Trị Của Chính Quyền Pháp
12	Phong Trào Đông Du
18	Thần Linh Học Và Sự Khai Sáng Đạo Cao Đài
23	Câu Chuyện Xây Bàn
27	Sự Xuất Hiện Của Đấng AẤ
30	Hội Yến Điều Trì Cung Đầu Tiên
35	Vọng Thiên Cầu Đạo
41	Lập Tờ Khai Đạo
48	Đại Lễ Hoảng Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
52	Tiên Tri Về Sự Xuất Hiện Đạo Cao Đài Ở Việt Nam
56	Nước Việt Nam Được Chọn Để Khai Đạo Cao Đài
60	Đạo Cao Đài Đạo Của Tam Kỳ Phổ Độ
64	Hữu Duyên Gặp Đấng Tam Kỳ Phổ Độ
67	Tinh Thần Hòa Đồng Tôn Giáo Dân Tộc Việt



# LỜI TỰA

Quyển sách "Sự Xuất Hiện Của Đạo Cao Đài Tại Miền Nam Việt Nam" mang đến một cái nhìn sâu sắc về nguồn gốc, ý nghĩa và quá trình hình thành của Đạo Cao Đài trong bối cảnh đặc biệt của Việt Nam. Trước những biến động chính trị và xã hội, đặc biệt là dưới thời kỳ Pháp thuộc, Đạo Cao Đài ra đời như một tôn giáo kết hợp tinh hoa của ba tôn giáo Đông phương – Nho giáo, Đạo giáo, và Phật giáo – đồng thời đón nhận ảnh hưởng của các trào lưu tâm linh phương Tây như Thần Linh Học. Tinh thần tổng hợp này nhấn mạnh sứ mệnh phổ độ của Đạo Cao Đài: hợp nhất các truyền thống tâm linh nhằm lan tỏa tinh thần huynh đệ đại đồng cùng tôn thờ một Đấng Cha chung.

Sách không chỉ trình bày về những yếu tố xã hội dẫn đến sự ra đời của Đạo Cao Đài mà còn kể lại chi tiết những trải nghiệm tâm linh của các vị tiền bối khai sáng. Qua những cuộc tiếp xúc thiêng liêng với các Đấng Thiêng Liêng, các vị sáng lập đã nhận được lời dạy về việc thành

lập một tôn giáo mang tính bao dung và cứu độ trong thời đại đầy biến động của thế kỷ 20. Từng lời Thánh Ngôn, từng lời tiên tri được ghi chép lại, thể hiện Đạo Cao Đài như một “Đại Ân Xá Kỳ Ba” để mở lối cho nhân loại tìm về chơn đạo.

Lời giới thiệu này xin mời quý đồng Đạo và quý độc giả cùng bước vào hành trình khám phá những ngày đầu của Đạo Cao Đài, nơi một tôn giáo mang tinh thần đoàn kết toàn cầu đã được hình thành. Trong năm tròn 100 tuổi, quyển sách không chỉ là một tài liệu lịch sử mà còn là một lời mời gọi suy ngẫm về sứ mệnh, về ý nghĩa hòa hợp tâm linh mà Đạo Cao Đài đã và đang lan tỏa không chỉ trong lòng người Việt mà còn đến khắp nơi trên thế giới.

CTS Lê Minh Hoàng

Rằm Hạ Ngươn Giáp Thìn (2024)

# **NGUYÊN NHÂN SỰ HIỆN DIỆN CỦA PHÁP TẠI VIỆT NAM**

Kính thưa quý đồng Đạo, ngày rằm tháng 10 đánh dấu mốc thời gian thiêng liêng khi chúng ta hân hoan chào đón Đại Lễ Kỷ niệm 100 năm Ngày Khai Đạo Cao Đài. Trải qua một thế kỷ, 100 năm không chỉ là một dấu ấn thời gian mà còn mang ý nghĩa sâu sắc đối với mọi tín đồ Cao Đài. Để chuẩn bị cho Đại Lễ trọng đại này, chúng ta hãy cùng nhau nhìn lại những biến cố chính trị, xã hội và tín ngưỡng trong đầu thế kỷ 20 – những sự kiện đã dẫn đến sự ra đời của Đạo Cao Đài, khai mở thời kỳ Đại Ân Xá trong Tam Kỳ Phổ Độ.

Trong thời gian tới, Thánh Thất Portland sẽ nỗ lực nghiên cứu và biên soạn những bài viết liên quan đến các sự kiện lịch sử quan trọng này. Bài viết đầu tiên sẽ tập trung vào nguyên nhân dẫn đến sự xâm lược của thực dân Pháp tại Việt Nam và Đông Dương.

## **NGUYÊN NHÂN SỰ HIỆN DIỆN CỦA PHÁP TẠI VIỆT NAM**

Pháp bắt đầu xâm nhập vào Đông Dương và Việt Nam từ giữa thế kỷ 19, với mục tiêu chính là mở rộng thuộc địa, khai thác tài nguyên, và gia tăng ảnh hưởng chính trị tại

khu vực châu Á. Một số nguyên nhân chính thúc đẩy sự xâm lược này bao gồm:

### **Nguyên Nhân Kinh Tế**

Vào thế kỷ 19, Pháp đang trong giai đoạn cách mạng công nghiệp và cần nhiều nguyên liệu thô như gỗ, cao su, than đá, và nông sản để phục vụ cho nền kinh tế phát triển. Việt Nam, với nguồn tài nguyên phong phú và tiềm năng khai thác lớn, trở thành một mục tiêu hấp dẫn. Đồng thời, Pháp cũng muốn tìm kiếm thị trường mới để tiêu thụ sản phẩm công nghiệp trong bối cảnh kinh tế nội địa đã dư thừa hàng hóa.

### **Nguyên Nhân Chính Trị**

Pháp muốn mở rộng hệ thống thuộc địa để cạnh tranh với các cường quốc châu Âu khác, đặc biệt là Anh, vốn đã sở hữu những vùng thuộc địa rộng lớn tại Ấn Độ và Trung Quốc. Việc chinh phục thuộc địa không chỉ nhằm khẳng định vị thế của Pháp trên trường quốc tế mà còn được xem là phương tiện tăng cường sức mạnh quốc gia.

### **Nguyên Nhân Tôn Giáo**

Một lý do Pháp đưa ra để biện minh cho cuộc xâm lược là bảo vệ các nhà truyền giáo Công giáo. Vào giữa thế kỷ 19, triều đình nhà Nguyễn áp dụng chính sách cấm đạo, đàn áp tín đồ Công giáo, dẫn đến việc nhiều nhà truyền giáo



Pháp bị bắt giữ hoặc xử tử. Pháp đã lợi dụng điều này như một cái cớ để can thiệp quân sự vào Việt Nam.

### **QUÁ TRÌNH SỰ CAN THIỆP CỦA PHÁP TẠI VIỆT NAM**

Năm 1858, thực dân Pháp bắt đầu cuộc xâm lăng Việt Nam bằng cuộc tấn công quân sự vào Đà Nẵng. Dù cuộc tấn công này không thành công như kế hoạch, với quân Pháp vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ từ phía quân đội triều đình nhà Nguyễn và nhân dân Đà Nẵng, nó đã đánh dấu sự khởi đầu của quá trình can thiệp quân sự kéo dài. Sau vài tháng không đạt được kết quả rõ rệt, Pháp chuyển hướng tấn công vào Gia Định (Sài Gòn) vào năm 1859, nơi có vị trí chiến lược quan trọng và ít bị phòng thủ chặt chẽ như Đà Nẵng.

Năm 1862, sau nhiều năm chiến tranh và trước sức ép quân sự từ Pháp, triều đình nhà Nguyễn buộc phải ký Hiệp ước Nhâm Tuất, theo đó nhượng lại ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, và Biên Hòa) cho Pháp, đồng thời chấp nhận bồi thường chiến phí. Đây là bước ngoặt quan trọng, biến Nam Kỳ trở thành một vùng lãnh thổ thuộc Pháp và mở đầu cho sự mở rộng quyền kiểm soát của thực dân.

Tiếp nối thành công ban đầu, năm 1867, Pháp không ngừng gia tăng sức ép và nhanh chóng chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long, An Giang, và Hà Tiên) mà không gặp phải sự kháng cự đáng kể từ phía triều đình.

Điều này hoàn tất việc biến toàn bộ Nam Kỳ thành thuộc địa chính thức của Pháp, trong khi Trung Kỳ và Bắc Kỳ vẫn nằm dưới sự quản lý của triều đình nhà Nguyễn nhưng bị suy yếu.

Sau khi củng cố quyền lực tại Nam Kỳ, Pháp hướng đến việc kiểm soát toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Từ năm 1873, thực dân Pháp tiến hành hàng loạt các cuộc tấn công vào Bắc Kỳ, khởi đầu với cuộc xâm lược của đại úy Francis Garnier vào Hà Nội. Mặc dù cuộc tấn công này bị chặn lại, đến năm 1882, Pháp tiếp tục đưa quân đánh chiếm Hà Nội một lần nữa dưới sự chỉ huy của Henri Rivière. Sự chiếm đóng của Pháp ở Bắc Kỳ đã làm bùng phát hàng loạt cuộc nổi dậy chống Pháp tại nhiều địa phương, nhưng với ưu thế về quân sự, Pháp đã nhanh chóng dập tắt các cuộc kháng cự.

Năm 1883 và 1884, triều đình nhà Nguyễn ký hai hiệp ước quan trọng với Pháp là Hiệp ước Harmand và Hiệp ước Patenôtre, chính thức công nhận quyền bảo hộ của Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, đất nước được chia thành ba khu vực: Bắc Kỳ và Trung Kỳ thuộc chế độ bảo hộ, còn Nam Kỳ là thuộc địa trực tiếp. Triều đình nhà Nguyễn mặc dù vẫn tồn tại nhưng quyền lực bị suy giảm nghiêm trọng, mất hết quyền hành dưới sự kiểm soát của thực dân.

Việc thiết lập chế độ bảo hộ đã đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của nền tự chủ Việt Nam, biến Việt Nam thành một phần của Liên bang Đông Dương do Pháp thành lập, bao gồm cả Lào và Campuchia. Từ đây, Pháp bắt đầu thi hành các chính sách cai trị hà khắc và khai thác thuộc địa, làm thay đổi sâu sắc về mặt kinh tế, xã hội và văn hóa của Việt Nam trong nhiều thập kỷ sau.

# CHÍNH SÁCH CẠI TRỊ CỦA CHÍNH QUYỀN PHÁP

Bài viết hôm nay sẽ đề cập đến chính sách cai trị của thực dân Pháp trong giai đoạn xâm lược và thống trị Việt Nam. Sau khi thiết lập quyền cai trị trên toàn lãnh thổ, thực dân Pháp đã áp dụng hàng loạt biện pháp hà khắc nhằm duy trì quyền lực và khai thác tối đa lợi ích từ thuộc địa. Những chính sách này không chỉ tác động sâu rộng đến đời sống chính trị, xã hội, văn hóa, và tôn giáo của người Việt Nam, mà còn nhằm triệt tiêu mọi nỗ lực kháng cự và giành độc lập tự do. Dưới đây là tóm tắt các chính sách cai trị của Pháp trên các lĩnh vực:

## **Chính Trị**

Pháp áp dụng chế độ bảo hộ tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ, duy trì triều đình nhà Nguyễn nhưng chỉ với hình thức bên ngoài và không có thực quyền. Mọi quyết định quan trọng đều do chính quyền Pháp tại Đông Dương kiểm soát.

Việt Nam bị chia thành ba khu vực hành chính: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, và Nam Kỳ, với mức độ cai trị khác nhau. Nam Kỳ bị cai trị trực tiếp và trở thành thuộc địa của Pháp,

trong khi Bắc Kỳ và Trung Kỳ dù vẫn giữ hình thức phong kiến nhưng thực chất do Pháp điều hành thông qua các viên chức thực dân.

Pháp xây dựng lực lượng cảnh sát và quân đội bản xứ dưới quyền chỉ huy của sĩ quan Pháp để duy trì trật tự và đàn áp mọi cuộc nổi dậy. Sự hiện diện quân sự của Pháp tại các vùng trọng yếu nhằm đảm bảo an ninh cho việc khai thác tài nguyên và bảo vệ các cơ sở hạ tầng, đóng vai trò nền tảng trong hệ thống cai trị thực dân.

### **Xã Hội**

Pháp áp đặt chính sách bóc lột lao động nặng nề để phục vụ cho các đồn điền cao su, cà phê, trà, và các ngành công nghiệp khai thác như than đá và gỗ quý. Người nông dân bị buộc phải lao động dưới những điều kiện khắc nghiệt, với mức lương thấp và bị áp đặt các loại thuế nặng nề, đẩy đời sống của họ vào cảnh đói khổ.

Pháp thực hiện chính sách "chia để trị," gây chia rẽ xã hội Việt Nam. Tầng lớp địa chủ và thượng lưu được Pháp ưu đãi về quyền lợi kinh tế và chính trị để hợp tác với chế độ, trong khi đại đa số nông dân và lao động nghèo bị bóc lột. Sự khác biệt về dân tộc và tôn giáo cũng được Pháp lợi dụng nhằm ngăn cản sự đoàn kết trong xã hội và hạn chế các cuộc nổi dậy chống họ.

### **Văn Hóa**

Chính quyền thực dân Pháp sử dụng giáo dục như một công cụ để đào tạo một tầng lớp người Việt phục vụ cho chính quyền thuộc địa. Họ thành lập các trường học Pháp - Việt, giảng dạy bằng tiếng Pháp và truyền bá các giá trị văn hóa phương Tây. Chương trình giáo dục cố tình làm mờ nhạt văn hóa và lịch sử dân tộc Việt Nam, thay thế bằng sự tôn sùng văn hóa và quyền lực Pháp, nhằm kiểm soát tư duy và làm suy yếu lòng tự tôn dân tộc.

Pháp cũng khuyến khích việc sử dụng tiếng Pháp trong hành chính và giáo dục, với mục tiêu tạo ra một tầng lớp trí thức Việt Nam biết tiếng Pháp, trung thành với chính quyền thuộc địa và sẵn sàng hợp tác với thực dân.

### **Giải Trí**

Pháp áp dụng chiến lược tổ chức các hoạt động giải trí và khuyến khích lối sống hưởng thụ để làm phân tán sự chú ý của người dân Việt Nam, giảm tinh thần đấu tranh. Họ tổ chức các lễ hội, hội chợ và sự kiện xa hoa nhằm lôi kéo người dân vào các hoạt động giải trí. Các sòng bạc, nhà hát, và hộp đêm được phát triển ở các thành phố lớn, nhắm vào tầng lớp thượng lưu và trung lưu, khuyến khích họ sa vào tiêu thụ và hưởng thụ thay vì quan tâm đến phong trào đấu tranh.

Pháp cũng sử dụng truyền thông và giáo dục để quảng bá lối sống phương Tây và làm mờ nhạt bản sắc dân tộc. Các ấn phẩm báo chí, phim ảnh, và văn hóa tiêu thụ trở thành

công cụ để ru ngủ người dân, khiến họ chạy theo các giá trị vật chất, xa rời tinh thần yêu nước.

### **Tôn Giáo**

Vào đầu thế kỷ 20, sự ra đời của các tôn giáo mới như Đạo Cao Đài (năm 1926) và Phật giáo Hòa Hảo (năm 1939) khiến chính quyền Pháp lo ngại do các tôn giáo này kêu gọi tinh thần yêu nước và đoàn kết dân tộc. Pháp coi những tôn giáo này như mối đe dọa chính trị vì họ thu hút lượng lớn tín đồ và có tiềm năng phát triển thành phong trào đấu tranh giành độc lập.

Để đối phó, Pháp thực hiện chính sách phân hóa, gây chia rẽ giữa các tôn giáo để làm suy yếu phong trào đấu tranh dân tộc. Họ bắt giữ, tra tấn, và xử tử các lãnh đạo tôn giáo hoặc tín đồ có ảnh hưởng lớn trong các phong trào chống thực dân, nhằm dập tắt tinh thần kháng chiến của người Đạo.

Tóm lại, những chính sách cai trị hà khắc của thực dân Pháp đã gây ra nhiều khổ cực cho người dân Việt Nam, vi phạm trầm trọng quyền tự do tín ngưỡng và làm suy yếu đời sống tâm linh và văn hóa xã hội. Tuy nhiên, chính sự đàn áp tàn bạo này cũng đã thổi bùng lên các phong trào đấu tranh giành độc lập, tạo nền tảng cho các cuộc kháng chiến, giải ách nô lệ của người dân Việt Nam trong những thập kỷ sau.

# PHONG TRÀO ĐÔNG DU

Trong suốt thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, nhiều phong trào kháng chiến đã nổi lên với khát vọng giành lại độc lập cho dân tộc Việt Nam. Những phong trào này, từ Cần Vương, Yên Thế, Đông Du, Duy Tân đến Việt Nam Quốc Dân Đảng, mỗi phong trào đều có phương thức đấu tranh và hoàn cảnh riêng, nhưng tất cả đều chung mục tiêu cao cả. Trong số đó, phong trào Đông Du do Ngài Phan Bội Châu khởi xướng nổi bật với tầm nhìn xa về việc đào tạo thể hệ trí thức yêu nước ở nước ngoài. Phong trào này có một sự kiện lịch sử liên quan đến Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, người sáng lập Đạo Cao Đài năm 1926, mang lại nhiều giá trị tư tưởng sâu sắc. Chúng ta sẽ cùng khám phá kỹ hơn về sự hình thành, hoạt động và những nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của phong trào Đông Du.

## **PHONG TRÀO ĐÔNG DU (1905-1908)**

Phong trào Đông Du, do Ngài Phan Bội Châu khởi xướng vào đầu thế kỷ 20, là một trong những phong trào quan trọng trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho Việt Nam



trước sự đô hộ của thực dân Pháp. Mục tiêu của phong trào là đào tạo một thế hệ thanh niên ưu tú, học tập tại Nhật Bản, để sau này trở về lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa cứu nước.

### **Bối Cảnh Ra Đời**

Vào cuối thế kỷ 19, sau khi các cuộc khởi nghĩa chống Pháp như phong trào Cần Vương, khởi nghĩa Yên Thế thất bại, nhiều trí thức yêu nước như Ngài Phan Bội Châu nhận ra rằng đấu tranh vũ trang trực tiếp chưa đủ, và cần có sự chuẩn bị lâu dài về lực lượng trí thức cũng như chiến lược toàn diện hơn. Ở thời điểm này, Nhật Bản đã trở thành một hình mẫu về sự phát triển nhanh chóng sau cuộc Minh Trị Duy Tân (1868), từ một quốc gia phong kiến thành một cường quốc hiện đại, và vừa chiến thắng trong cuộc chiến với Nga (1904-1905). Điều này đã tạo cảm hứng mạnh mẽ cho các nhà trí thức Việt Nam, và Ngài Phan Bội Châu đã nhìn thấy tiềm năng của việc gửi học sinh sang Nhật học tập, để đào tạo một thế hệ lãnh đạo mới cho phong trào giải cứu dân tộc.

### **Cách Thành Lập**

Phong trào Đông Du chính thức khởi xướng vào năm 1905 bởi Ngài Phan Bội Châu với sự hỗ trợ của những người bạn thân cận và một số trí thức Nhật Bản đồng tình với mục tiêu giải ách nô lệ cho dân tộc, đã quyết định tổ chức phong trào. Ngài bắt đầu bằng cách tuyển chọn những

thanh niên yêu nước có tiềm năng để gửi sang Nhật học tập.

Những học sinh đầu tiên được gửi sang Nhật để học các ngành quân sự, khoa học, kỹ thuật và các lĩnh vực văn hóa, nhằm chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến lớn hơn trong tương lai. Ngài Phan Bội Châu đã thành lập Duy Tân Hội (1904) để huy động sự hỗ trợ tài chính từ cộng đồng người Việt trong và ngoài nước, đặc biệt là từ các thương gia và trí thức yêu nước.

### **Hoạt Động Chính Của Phong Trào**

- Đào tạo thanh niên yêu nước: Khoảng 200 học sinh Việt Nam đã được gửi sang Nhật Bản trong thời gian này. Họ được học tập trong các trường quân sự và các ngành khoa học kỹ thuật hiện đại của Nhật Bản. Các học sinh này không chỉ được đào tạo về tri thức mà còn hấp thụ tư tưởng cách mạng, lòng yêu nước và ý thức về việc giải cứu dân tộc.
- Tạo liên minh với Nhật Bản: Ngài Phan Bội Châu và các lãnh đạo phong trào Đông Du đã tìm cách tạo lập quan hệ với chính phủ Nhật Bản. Ban đầu, Nhật Bản chấp nhận hỗ trợ ngầm cho phong trào do Nhật cũng đang muốn mở rộng ảnh hưởng của mình tại châu Á và chống lại các cường quốc phương Tây. Ngài Phan Bội Châu hy vọng rằng, sau khi được đào tạo tại Nhật, các nhà trí thức này sẽ trở về và lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa chống Pháp.

- Hoạt động gây quỹ và hỗ trợ tài chính: Để duy trì phong trào, Ngài Phan Bội Châu đã tổ chức các chiến dịch gây quỹ trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại. Những thương gia giàu có và người Việt yêu nước đã đóng góp tài chính để hỗ trợ học sinh Đông Du trong thời gian họ học tập tại Nhật Bản.

### **Lý Do Phong Trào Không Thành Công**

Mặc dù Phong trào Đông Du đã có những khởi đầu đầy hứa hẹn, nhưng phong trào này không kéo dài được lâu và không đạt được mục tiêu ban đầu. Có một số lý do chính dẫn đến sự thất bại của phong trào:

- Áp lực ngoại giao từ Pháp: Thực dân Pháp, lo ngại về sự phát triển của phong trào Đông Du và khả năng Nhật Bản hỗ trợ cho một cuộc cách mạng tại Việt Nam, đã gây áp lực ngoại giao mạnh mẽ lên chính phủ Nhật Bản. Họ cáo buộc Ngài Phan Bội Châu và các lãnh đạo phong trào đang sử dụng Nhật Bản làm căn cứ để phát động các hoạt động cách mạng chống Pháp.
- Chính sách thay đổi của Nhật Bản: Do áp lực từ Pháp và những tính toán chiến lược ngoại giao của mình, Nhật Bản quyết định không tiếp tục ủng hộ phong trào Đông Du. Năm 1908, chính phủ Nhật Bản buộc phải trục xuất toàn bộ học sinh Việt Nam đang theo học tại Nhật, kết thúc giai đoạn huấn luyện học sinh Đông Du.

- Thiếu nguồn lực và sự ủng hộ quốc tế: Phong trào Đông Du phần lớn phụ thuộc vào nguồn tài trợ từ các cá nhân và tổ chức yêu nước ở nước ngoài. Khi Nhật Bản rút lui, phong trào không có đủ nguồn lực và sự hậu thuẫn quốc tế để tiếp tục. Điều này khiến cho Ngài Phan Bội Châu và những người lãnh đạo khác rơi vào tình trạng khó khăn, không thể duy trì hoạt động của phong trào.

### **Ảnh Hưởng Của Phong Trào Đông Du Đối Với Chàng Thanh Niên Yêu Nước Phạm Công Tắc**

Dù không thành công trong việc lật đổ thực dân Pháp và tạo nên cuộc cách mạng tức thời, phong trào Đông Du đã thắp lên ngọn lửa yêu nước và khát vọng độc lập trong trái tim hàng triệu người Việt Nam. Phong trào này không chỉ truyền cảm hứng mà còn góp phần quan trọng trong việc đào tạo một thế hệ trí thức yêu nước, trong đó có chàng thanh niên Phạm Công Tắc. Sau này, chàng thanh niên ấy trở thành Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, người đã khai sáng Đạo Cao Đài từ năm 1926.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc (1890–1959) là một biểu tượng của lòng yêu nước và tinh thần kiên cường. Từ khi còn trẻ, Ngài đã bộc lộ tinh thần ái quốc mạnh mẽ và mong muốn đất nước sớm thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp. Trong thời gian học tập tại trường Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn, từ năm 1905 đến 1907, Đức Hộ Pháp đã tích cực tham gia các hoạt động của phong trào Đông

Du. Khát vọng của Ngài được công nhận khi tên Ngài xuất hiện trong danh sách những thanh niên được lựa chọn để đi du học tại Nhật Bản, với mục tiêu nhận được kiến thức và kỹ năng cần thiết để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải cứu dân tộc.

Tuy nhiên, khi phong trào Đông Du bị mật thám Pháp phát hiện và các hoạt động bị dập tắt, Ngài buộc phải từ bỏ dự định du học. Mặc dù không thể thực hiện chuyến đi như đã dự định, tinh thần yêu nước và khát vọng tự do vẫn mãi trong tim Ngài. Những trải nghiệm và bài học từ phong trào Đông Du đã góp phần hình thành tư tưởng và quyết tâm của Ngài trong việc tiếp tục đấu tranh cho dân tộc. Sự kiên định này đã đưa đẩy Ngài đến con đường khai sáng Đạo Cao Đài hướng tới sự giác ngộ và thức tỉnh toàn diện tâm linh cho nhân loại.

Tóm lại. Phong trào Đông Du tuy không thành công như mong đợi, nhưng đã tạo ra một thế hệ trí thức yêu nước có ảnh hưởng lâu dài đến sự nghiệp tranh đấu giành lại độc lập cho Việt Nam. Phong trào này là minh chứng cho ý chí bất khuất và lòng yêu nước của người dân Việt Nam.

# THẦN LINH HỌC VÀ SỰ KHAI SÁNG ĐẠO CAO ĐÀI

Bài viết hôm nay sẽ trình bày về khái niệm Thần Linh Học, quá trình hình thành từ phương Tây và sự truyền bá sang Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. Thần Linh Học không chỉ là một triết thuyết tâm linh của phương Tây mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và khai sáng Đạo Cao Đài, một tôn giáo mới tại Việt Nam. Kính mời quý đồng Đạo cùng khám phá và tìm hiểu những điểm khái quát về Thần Linh Học và tầm ảnh hưởng của nó đối với Đạo Cao Đài.

## **Khái Niệm Về Thần Linh Học**

Thần Linh Học (Spiritism) là một hệ thống triết học bắt nguồn từ những nghiên cứu về các hiện tượng tâm linh, liên quan đến sự giao tiếp với linh hồn người đã khuất hoặc các thực thể siêu hình. Người theo Thần Linh Học tin rằng linh hồn có thể tồn tại sau khi chết và có khả năng giao tiếp với người sống thông qua nhiều phương tiện khác nhau như cơ bút hay cầu cơ.

Thần Linh Học dựa trên niềm tin rằng linh hồn người khuất có thể tương tác trực tiếp với con người trong cuộc sống thường ngày, từ đó mở ra khả năng học hỏi về cuộc sống tâm linh thông qua sự hướng dẫn của các Đấng Thần Linh.

Thần Linh Học ra đời vào giữa thế kỷ 19 tại châu Âu và Bắc Mỹ, trong một thời kỳ mà con người bắt đầu nghi ngờ các giáo điều tôn giáo truyền thống và tìm kiếm câu trả lời qua các nghiên cứu về tâm linh và siêu hình.

### **Sự Hình Thành Của Thần Linh Học Ở Tây Phương**

Thần Linh Học được chính thức phát triển và hệ thống hóa bởi Ông Allan Kardec (1804-1869), một nhà giáo dục và nhà triết học người Pháp. Ông được coi là "cha đẻ" của Thần Linh Học thông qua cuốn sách "Le Livre des Esprits" (Sách các Linh Hồn) xuất bản lần đầu vào năm 1857. Đây là tác phẩm quan trọng nhất trong hệ thống lý thuyết của Thần Linh Học, giải thích chi tiết về bản chất của các linh hồn, quá trình luân hồi, và sự tiến hóa tâm linh.

Trước khi Ông Allan Kardec ra đời, nhiều hiện tượng tâm linh đã thu hút sự chú ý của cộng đồng khoa học và tôn giáo, đặc biệt là các sự kiện giao tiếp với linh hồn thông qua hiện tượng "knocking" ở Mỹ vào năm 1848, do hai chị em nhà Fox thực hiện tại Hydesville, New York. Các hiện

tượng này sau đó đã lan rộng khắp châu Âu và tạo nền tảng cho sự ra đời của một phong trào tâm linh toàn cầu.

Ông Kardec dựa trên những hiện tượng này để phát triển hệ thống triết lý về Thần Linh Học, trong đó ông tin rằng thông qua việc nghiên cứu các thông điệp từ linh hồn, con người có thể hiểu rõ hơn về bản chất của vũ trụ, cuộc sống sau cái chết, và mục đích của sự tồn tại.

### **Thần Linh Học Lan Truyền Sang Á Châu Và Việt Nam**

Sau khi Thần Linh Học phát triển mạnh mẽ tại châu Âu và Bắc Mỹ, phong trào này bắt đầu lan rộng sang các khu vực khác, bao gồm cả châu Á, thông qua các nhà truyền giáo và những người theo đuổi triết học tâm linh. Sự truyền bá của Thần Linh Học tại Việt Nam gắn liền với các yếu tố văn hóa, lịch sử và tâm linh của khu vực.

Trong bối cảnh Việt Nam, Thần Linh Học đến vào thời kỳ thuộc địa Pháp, khi Việt Nam nằm dưới sự kiểm soát của thực dân Pháp. Người Pháp, với ảnh hưởng văn hóa phương Tây, mang theo những tư tưởng mới về khoa học, tâm linh và tôn giáo, trong đó có cả Thần Linh Học. Người Việt Nam thời bấy giờ, đặc biệt là giới trí thức và những người tìm kiếm câu trả lời về sự tồn tại của thế giới siêu hình, đã bị thu hút bởi những triết lý mới này.

Một yếu tố quan trọng góp phần vào việc Thần Linh Học được đón nhận tại Việt Nam là văn hóa tâm linh bản địa



của người Việt, vốn rất phong phú với các tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ các vị Thần Linh, và sự tin tưởng vào sự tồn tại của thế giới của linh hồn người khuất. Tư tưởng về sự giao tiếp giữa thế giới người sống và người chết qua các hình thức xây bàn, cầu cơ hay các phương pháp đồng bóng không xa lạ với người Việt. Do đó, khi Thần Linh Học du nhập vào Việt Nam, nó dễ dàng hòa nhập với các tín ngưỡng bản địa và trở thành một phương tiện tâm linh phổ biến.

### **Thần Linh Học Và Sự Khai Sáng Đạo Cao Đài**

Đạo Cao Đài, một tôn giáo mới được khai sáng tại Việt Nam vào năm 1926, sử dụng cơ bút là một phương tiện chính để thông công với Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng. Trước khi Đạo chính thức thành lập, các vị Chức Sắc tiền khai đã tìm đến cơ bút để liên lạc với các Đấng Thiêng Liêng để học Đạo và nhận được những lời Thánh Ngôn chỉ dẫn cách thành lập Đạo, cách thờ phượng, và cách tu hành trong Tam Kỳ Phổ Độ. Từ đó, Cơ Bút là phương tiện chính để các Chức Sắc Hiệp Thiên Đài làm nhiệm vụ thông công với các Đấng Thiêng Liêng ngự nơi Bát Quái Đài, giúp họ nhận được sự chỉ dạy cho các việc Đạo sự quan trọng.

Tóm lại, Cơ bút đóng vai trò quan trọng trong việc khai sáng Đạo Cao Đài, một tôn giáo mới tại Việt Nam. Bắt

nguồn từ các nghiên cứu tâm linh phương Tây, Thần Linh Học đã hội nhập với tín ngưỡng cổ truyền của người Việt, những người luôn tôn sùng Tam Giáo: Nho, Thích, Đạo. Cơ bút trở thành phương tiện chính giúp các Chức Sắc Cao Đài thông công với Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng, khai sáng Đạo Cao Đài, mở ra thời kỳ Đại Ân Xá trong Tam Kỳ Phổ Độ và tiến tới một thế giới đại đồng, nơi nhơn loại xem nhau như anh em một nhà và cùng tôn thờ một Đấng Thượng Đế duy nhất là Đức Chí Tôn.

## CÂU CHUYỆN XÂY BÀN

Bài viết hôm nay kể lại những buổi xây bàn đầu tiên của các quý ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và Cao Hoài Sang, bắt đầu vào tháng 7 năm 1925. Trước đó, trong bài “Phong Trào Đông Du,” chúng ta đã biết rằng Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là một thanh niên yêu nước, từng tham gia phong trào Đông Du với ước mơ du học Nhật Bản để giúp cứu nước. Khi phong trào bị đàn áp bởi mật thám Pháp, Ngài phải từ bỏ giấc mơ và quay về học đường, tốt nghiệp bằng Thành Chung. Sau đó, Ngài lập gia đình và đi làm để phụ giúp gia đình. Đến năm 22 tuổi, nỗi đau mất mẹ khiến Ngài rơi vào tuyệt vọng. Để tìm kiếm sự an ủi, Ngài bắt đầu nghiên cứu Thần Linh Học, hướng tâm trí vào thế giới tâm linh và các hiện tượng vô hình. Kính mời quý đồng Đạo cùng tìm hiểu diễn tiến của những buổi xây bàn đầu tiên đầy kỳ bí này.

### **Những Buổi Xây Bàn Đầu Tiên**

Giữa năm 1925, sau khi nghe nói về phương pháp xây bàn để liên lạc với linh hồn người khuất, Đức Hộ Pháp quyết định cùng hai người bạn thân thiết là Cao Thượng Phẩm và Cao Hoài Sang thử nghiệm. Vào tối ngày 24 tháng 7 năm 1925, các ông Cao Quỳnh Diêu, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang cùng một số người thân đã thử phương pháp xây bàn theo Thần Linh Học Tây phương tại nhà ông Sang. Buổi xây bàn đầu tiên không có kết quả, nhưng không nản lòng, quý ông tiếp tục thử lại vào đêm sau.

Lần này, các ông chuẩn bị kỹ lưỡng hơn: đốt nhang, khấn vái, rồi ngồi lặng yên quanh chiếc bàn tròn ba chân. Khi định thần, bàn bắt đầu dao động và chân bàn nhịch xuống nền gạch, báo hiệu có vong linh đã nhập. Để giao tiếp, ông Cư hướng dẫn quy ước: “Gõ hai tiếng là ừ, một tiếng là không.” Vong linh lập tức gõ hai tiếng, chấp nhận quy ước. Sau đó, ông Cư tiếp tục đọc lần lượt các chữ cái để xác định tên vong linh. Kết quả ráp được là “LƯỢNG CAO QUỲNH,” chính là con trai đã khuất của ông Diêu.

### **Những Kết Nối Đầu Tiên Với Thế Giới Vô Hình**

Sự vui mừng lan tỏa khi các ông xác nhận danh tính của linh hồn. Ông Diêu hỏi thêm: "Con có hầu Ông Nội không?" Bàn gõ hai tiếng trả lời "Có." Ông Diêu tiếp tục hỏi: "Mời Ông Nội đến đây tiện không? Bàn lại gõ "Đặng."

Sau đó, bàn dừng lại và không còn dao động nữa, dấu hiệu cho thấy vong linh đã xuất. Sau khoảng nửa giờ nghỉ ngơi, các ông tiếp tục buổi xây bàn và nhận được thông điệp từ ông Cao Quỳnh Tuân, cha của ông Diêu và ông Cư. Ông Cư xin cha mình một bài thơ để lưu truyền cho con cháu. Vong linh Ông Cao Quỳnh Tuân liền gõ bàn, cho bài thi :

Ly trần tuổi đã quá năm mươi,  
Mi mới vừa lên ước đặng mười.  
Tổng mển lời khuyên bèn mộ chép,  
Tình thương căn dặn gắng tâm đời.  
Bên màn đòi lúc trêu hồn phách,  
Cõi thọ nhiều phen được thành thơ.  
Xét nỗi vợ hiền còn lụm cụm,  
Gặp nhau nhắn nhủ một đôi lời.  
Thầy xin kiếu.

### **Sự Xuất Hiện Của Chơn Linh Đoàn Ngọc Quế**

Ngày hôm sau, các ông lại tụ họp tại nhà ông Cao Hoài Sang để tiếp tục xây bàn. Sau một lát, bàn dao động nhẹ nhàng, nhịp nhàng gõ xuống, xưng danh là Đoàn Ngọc Quế – một nữ vong linh. Cô để lại một bài thơ tự thuật "Thác Vì Tình," kể lại nỗi đau của một cuộc đời ngắn ngủi nhưng đầy cảm xúc, làm xúc động các ông, và các ông

mỗi người đều họa bài thơ này. Từ đó, mỗi đêm, các ông đều say mê xây bàn để tìm hiểu về thế giới vô hình.

#### THÁC VÌ TÌNH

Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai,  
Mạng bạc còn xuân uổng sắc tài.  
Những ngõ trao duyên vào ngọc các,  
Nào dè phũ nợ xuống tuyền đài.  
Dường sanh cam lỗi tình sông núi,  
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.  
Đồn dập tương tư quẩn một gánh,  
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai.  
- ĐOÀN NGỌC QUẾ -

#### **Kết Nghĩa Huynh Muội Với Chơn Linh Đoàn Ngọc Quế**

Vào tối ngày 8 tháng 8 năm 1925, cô Đoàn Ngọc Quế lại giáng bàn, và ba ông xin kết nghĩa huynh đệ với cô. Cô đồng ý, gọi ông Cao Quỳnh Cư là Trưởng Ca, ông Phạm Công Tắc là Nhị Ca, ông Cao Hoài Sang là Tam Ca, và cô là Tứ Muội. Cô tiết lộ rằng tên thật của mình là Vương Thị Lễ, cháu ngoại bà Tổng Đốc Phương, và là Nữ Tiên Thất Nương ở Cung Diêu Trì, với sứ mệnh dùng văn chương để dẫn dắt các ông vào đường đạo đức.

## SỰ XUẤT HIỆN CỦA ĐẮNG AỔỔ

Bài viết “CÂU CHUYỆN XÂY BÀN” đã thuật lại sự kiện ba Ông: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang tổ chức xây bàn và đã tiếp xúc được Chơn Linh Cô Đoàn Ngọc Quế. Sau đó, Cô tiết lộ tên thật là Vương Thị Lễ, đồng thời xưng mình là Nữ Tiên Thất Nương ở Cung Diêu Trì, với sứ mệnh dùng văn chương để dẫn dắt ba Ông vào con đường Đạo. Bài viết hôm nay sẽ tường thuật về sự xuất hiện của Đấng AỔỔ. Kính mời quý đồng Đạo cùng tìm hiểu.

Vào hạ tuần tháng 7 năm Ất Sửu (1925). Ba Ông: Cư, Tắc, Sang thỉnh bàn, dự tính cầu Cô Đoàn Ngọc Quế về để làm thơ. Khi cả ba vừa đặt tay lên bàn, bất ngờ một Đấng giáng bàn và ban cho một bài thi:

Ớt cay, cay ớt, gấm mà cay,  
Muối mặn ba năm muối mặn dai.  
Túng lúí đi chơi nên tấp lại,  
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.

Ông Cư thấy bài thi có ý tứ rất lạ, liền hỏi tên họ của Đấng giảng bàn là gì, thì Đấng ấy xưng là AẢẢ. Khi hỏi về tuổi của Ngài, Đấng AẢẢ liền gõ bàn trả lời, nhưng đếm mãi đến vài trăm nhịp mà bàn vẫn tiếp tục gõ. Ông Cư đoán rằng Đấng này chắc hẳn tuổi tác vô cùng lớn lao, và không dám hỏi thêm nữa.

Kể từ buổi ấy, Đấng AẢẢ thường xuyên giảng bàn, giảng dạy cho ba Ông những điều hết sức thâm thúy. Mỗi khi gặp những vấn đề khó khăn mà không ai có thể giải thích nổi, ba Ông lại cầu xin Đấng AẢẢ giảng bàn, và Ngài đều giảng giải một cách rõ ràng, khiến mọi người vô cùng kính phục.

Một hôm, Đấng AẢẢ giảng bàn và nói rằng:

"Nếu muốn cho Bàn đạo đến thường thì 3 vị nạp mấy lời yêu cầu sau đây của Bàn đạo :

- Một là đừng kiếm biết Bàn đạo là ai.
- Hai là đừng hỏi đến quốc sự.
- Ba là đừng hỏi việc Thiên cơ. "



Cả ba Ông: Cư, Tác, Sang đều đồng ý. Từ đó, ba Ông thường xuyên cầu xin Đấng AẢẢ về để học hỏi thi văn.

Vài ngày sau, Đấng AẢẢ giảng bàn, truyền rằng:

"Nếu muốn cho Ta tận tâm truyền dạy Đạo lý thì hết thảy phải kính Ta làm Thầy, cho tiện bề đối đãi."

Ba Ông vui mừng chấp thuận, bắt đầu thọ giáo và học Đạo cùng Đấng AẢẢ. Từ đó, Đấng AẢẢ giảng bàn, tự xưng mình là Thầy và gọi ba Ông là môn đệ.

# HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ CUNG ĐẦU TIÊN

Bài viết hôm nay sẽ tường thuật lại sự việc các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và Cao Hoài Sang được Thất Nương Diêu Trì Cung hướng dẫn tổ chức buổi tiệc đón rước Đức Cửu Thiên Nương Nương và Cửu Vị Tiên Nương từ Diêu Trì Cung. Kính mời quý đồng đạo cùng tìm hiểu.

## **Thất Nương Hướng Dẫn Cầu Bằng Ngọc Cơ**

Đêm 5-8-Ất Sửu (dl 22-9-1925), Thất Nương tiết lộ về Diêu Trì Cung và hướng dẫn quý Ngài Cư, Tắc, Sang cách cầu các Đấng bằng Ngọc Cơ.

Thất Nương cho biết về Diêu Trì Cung: “Trên có Cửu Thiên Nương Nương cai quản, dưới có chín Tiên Nương mà Cô là Thất Nương, Hồn Liên Bạch là Bát Nương.”

Ba ông nhờ Thất Nương dạy cho cách cầu Đức Bà Cửu Thiên Nương Nương. Thất Nương nói:

- Ba anh muốn cầu thì phải ăn chay trước ba ngày và cầu vào đêm Trung Thu, phải có Ngọc Cơ cầu mới đặng.

Quý ông không hiểu Ngọc Cơ là chi, nhờ Cô chỉ dạy.

Thất Nương tả hình dáng Ngọc Cơ, dẫn giải rõ căn cội, lấy hình chùm sao Bắc Đẩu tạo thành, dạy cách phò Ngọc Cơ, rồi biểu 3 ông mỗi người làm sẵn một bài thi mừng Đấng Cửu Thiên Nương Nương, sẽ cầu Nương Nương vào đêm Trung Thu.

Dịp may lúc bấy giờ có ông Phán Phan Văn Tý vốn là bạn cũ của ông Cư, ông qua lại chơi nhà ông Cư, thấy 3 ông xây bàn cầu Tiên, được một bài văn thì lâu quá, nhưng ông chưa dám nói, mãi đến khi ông Cư qua nhà nói muốn cầu bằng Ngọc Cơ nhưng chưa có, ông Phán Tý liền cho biết ông đang có một cây Ngọc Cơ, để ông lấy cho mượn.

Ông Phán Tý liền đi đến ông Âu Kịch ở chùa Minh Lý đòi lại Ngọc Cơ mà ông đã cho ông Âu Kịch mượn từ lâu để thỉnh kinh. Khi có Ngọc Cơ rồi, ông Phán Tý tập cho hai ông Cư và Tắc làm đồng tử phò Ngọc Cơ đặng viết ra chữ. Phải tập hai ngày, hai ông Cư và Tắc mới phò Ngọc Cơ thuần thục.

### **Hội Yến Diêu Trì Cung Đầu Tiên**

Vào đúng đêm Trung Thu, ngày 15-8-Ất Sửu, tại nhà ông Cư ở Sài Gòn, mọi người đã tề tựu đầy đủ. Ông Cư chuẩn

bị một bàn dài, rải hoa xung quanh. Ở giữa bàn là một ghế mây lớn, và xung quanh là 9 ghế mây nhỏ hơn. Trên bàn, ông bày biện bình hoa, trái cây tươi, trước mỗi ghế là một tách trà, một ly rượu, và một bộ chén muống, đĩa.

Vào chập tối, ông Cư đốt hương trầm, trang hoàng không gian tinh khiết. Sau khi lên nhang đèn, mọi người đều quỳ lạy, khấn vái. Xong, hai ông Cư và Tắc bắt đầu sử dụng Ngọc Cơ để cầu các Đấng – đây là lần đầu tiên hai ông thực hành nghi thức này.

Đức Bà Cửu Thiên Nương Nương giáng trước, sau đó là chín vị Tiên Nương, để lại lời chào mừng cho mọi người. Thất Nương yêu cầu ba ông đàn và ngâm các bài thơ đã chuẩn bị sẵn theo lời dặn trước đó để dâng lên Đức Phật Mẫu.

Khi tiệc bắt đầu, Thất Nương mời ba ông ngồi vào bàn. Không tiện từ chối, ba ông đành thêm ghế và ngồi sau chín ghế đã sắp trước, lễ phép cúi chào rồi ngồi xuống. Bà Hiếu, vợ ông Cư, đã chuẩn bị sẵn đồ ăn chay, bà đi vòng quanh bàn, gấp thức ăn vào chén của 10 Đấng và rót rượu, trà như đãi người hữu hình.

Sau khoảng nửa giờ, hai ông Cư và Tắc lại dùng Ngọc Cơ cầu tiếp. Các vị giáng cơ lần nữa, cảm tạ và nói:

“Từ đây có Ngọc Cơ sẽ thuận tiện để Diêu Trì Cung giáng dạy.”

Sau đó, Đức Bà Cửu Thiên Nương Nương và chín vị Tiên Nương mỗi vị để lại một bài thơ để làm kỷ niệm.

### **Đấng A Ẫ Ậ Dạy Phải Tu**

Sau khi các Đấng ở Diêu Trì Cung thăng hết, kế tiếp Đấng A Ẫ Ậ đến nhập cơ.

Ông Cư và ông Tắc tọc mạch hỏi:

- Khi nãy, Diêu Trì Cung đến, có Ngài ở đó không?

Ông A Ẫ Ậ đáp:

- Có chứ, Ta ở đây từ khi ban sơ đến giờ.

- Ngài có thấy Diêu Trì Cung đến không?

- Có chứ, chính mình Ta tiếp đãi.

Ông Cư hỏi:

- Diêu Trì Cung ngó thấy Ngài không?

- Không ngó thấy.

- Sao vậy?

- Ta dùng phép ẩn thân.

Ông Tắc tọc mạch hỏi tiếp:

- Như đứa em của tôi là Thất Nương Diêu Trì Cung có thể đạt đạo đặng chăng?

- Đạt đặng chớ.

Ông Cư hỏi: - Phải làm sao?

- Phải tu, bằng không tu thì chẳng đạt đặng.

Ông Tắc hỏi: - Tu chừng bao lâu mới đạt đặng?

Ngài làm thinh không đáp.

Ông Tắc hỏi: - 1 năm, 5 năm, 10 năm, 100 năm, . . .

Ngài cũng làm thinh, rồi thôi không hơi sức nào hỏi nữa, không biết chừng nào mới đạt đặng.

Kể từ đó, hai Ngài Cư và Tắc thường dùng Ngọc Cơ để tiếp nhận Thánh giáo.

## VỌNG THIÊN CẦU ĐẠO

Bài viết hôm nay sẽ tường thuật lại sự kiện Đức Cửu Thiên Nương Nương dạy ba ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang thực hành lễ Vọng Thiên Cầu Đạo, đồng thời Đấng AẤA tiết lộ rằng chính Ngài là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Kính mời quý đồng đạo cùng tìm hiểu.

### **Đấng AẤA Thử Lòng Ba Ông: Cư, Tắc, Sang**

Vào đầu tháng 9 năm Ất Sửu (1925), Đấng AẤA giáng cơ và nói với ba ông Cư, Tắc, Sang:

*“Tôi đã tiết lộ Thiên cơ nên bị Ngọc Hư Cung kết tội. Xin ba vị Đạo hữu cầu xin Ngọc Hư tha tội cho tôi, Nếu không tôi sẽ bị phạt.”*

Nghe vậy, ba ông vô cùng lo lắng, lập tức chuẩn bị hương án và cầu Diêu Trì Cung vào ngày 3 tháng 9 năm Ất Sửu (dương lịch 20-10-1925). Tại buổi lễ, ông Cư đã đặt một bài thi để dâng lên Cửu Thiên Nương Nương, khẩn cầu xin tha tội cho Đấng AẤA:

Vái van xin quý Cửu Thiên Nương,  
Tâu với Ngọc Hư tỏ ngọn nguồn.

Vì nghĩa ĀA mang trọng tội,  
Nghĩ tình đồng đạo để tình thương.

Qua việc này, Đấng AĀĀ muốn thử lòng ba ông, xem liệu họ có thực lòng thương yêu và tin tưởng nơi Ngài, nhằm chuẩn bị cho việc Vọng Thiên Cầu Đạo sau này.

### **Đức Cửu Thiên Nương Nương Dạy Ba Ông Vọng Thiên Cầu Đạo**

Ngày 27-10-Ất Sửu (dương lịch 12-12-1925), Đức Cửu Thiên Nương Nương giáng cơ và dạy:

- "Ngày mùng 1 này, tam vị Đạo hữu hãy Vọng Thiên Cầu Đạo."

(Câu này ám chỉ ngày mùng 1-11-Ất Sửu, dương lịch 16-12-1925).

Viết xong lời dạy, Đức Bà thăng ngay.

Ba ông Cư, Tắc, Sang không biết Vọng Thiên Cầu Đạo là gì, nên chờ đến đêm sau cầu hỏi Thất Nương. Thất Nương đáp:

- "Việc này không thuộc phận sự của Em, xin hỏi Ông AĀĀ."

Tối hôm sau, có các Đấng khác giáng cơ, ba ông cũng hỏi về Vọng Thiên Cầu Đạo, nhưng các Đấng ấy đều trả lời tương tự Thất Nương.



Đến tối 30-10-Ất Sửu, ba ông cầu Đấng AẢẢ, và Ngài giáng cơ dạy:

- "Ngày mừng 1 tháng 11 âm lịch này, tam vị phải Vọng Thiên Cầu Đạo. Hãy tắm gội cho tinh khiết, ra quỳ giữa trời, mỗi người cầm 9 cây nhang và khẩn rằng:

*“Ba Tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang, vọng bái Cao Đài Thượng Đế, xin Ngài ban phước lành cho ba tôi cải tà quy chánh”*

Ba ông không biết Cao Đài Thượng Đế là ai, nhưng vì đã được dạy nên họ quyết định tuân theo.

Đến đêm mừng 1-11-Ất Sửu (dương lịch 16-12-1925), ba ông lập bàn hương án ở sân trước nhà ông Cư. Mỗi người mặc áo dài, khăn đóng, nghiêm trang quỳ quanh bàn, cầm 9 cây nhang cầu nguyện theo đúng lời chỉ dẫn. Họ quỳ đến khi nhang gần tàn hết mới thôi.

### **Đấng AẢẢ Là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế**

Sau khi thực hiện lễ Vọng Thiên Cầu Đạo, ba ông đem Ngọc Cơ ra cầu và Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng cơ, ban cho một bài thơ chữ Nho rất khó hiểu.

Khi Đấng Cao Đài Thượng Đế thăng, ba ông lập tức cầu xin Đấng AẢẢ giải nghĩa. Đấng AẢẢ giáng cơ, giải thích xong thì ban cho bài thi như sau:

Cứ níu theo phan Đức Thượng Hoàng,  
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.  
Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh,  
Vịn lấy hành dương hưởng đạo nhân.

Đến đêm Noel (24-12-1925), Thất Nương giáng cơ và truyền rằng ba ông cần chỉnh đàn cho nghiêm để tiếp giá.

Nghe vậy, ba ông Cư, Tắc, Sang nửa mừng nửa lo, vội chuẩn bị đủ hương đăng, hoa trà, tửu quả. Đàn được chỉnh nghiêm tịnh tại nhà ông Cư; ba ông đốt nhang khẩn vái, rồi hai ông Cư và Tắc ngồi phò Ngọc Cơ. Đấng giáng cơ viết:

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO  
NAM PHƯƠNG

Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,  
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.  
Đạo màu rưới khắp nơi trần thế,  
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.  
Ngài tiếp tục dạy:

- "Đêm nay, ngày 24 tháng 12, hãy vui mừng vì là ngày Ta giáng trần dạy Đạo bên Thái Tây. Ta rất hoan hỉ khi thấy chư đệ tử kính mến Ta như vậy.

- Nhà này sẽ đầy ơn Ta. Thời điểm gần đến, chờ lệnh nơi Ta. Ta sẽ cho thấy huyền diệu để các con thêm kính mến Ta."

Đấng Thượng Đế còn dạy:

- "Bấy lâu Thầy lấy danh AĂĂ là để dẫn dắt các con vào đường đạo đức, vì chẳng bao lâu nữa, các con sẽ giúp Thầy trong công cuộc Khai Đạo.

- Các con có thấy Thầy khiêm nhường thế nào không? Hãy bắt chước Thầy trong từng chi tiết nhỏ, đó mới là phẩm hạnh của người đạo đức."

Vào ngày 31-12-1925 (âm lịch 16-11-Ất Sửu), Đấng AĂĂ lại giảng cơ và phán:

"AĂĂ,

- Ba con thương Thầy lắm phải không?

- Các con có thấy sự khiêm nhường của AĂĂ ra sao chưa?

- Các con có hiểu quyền năng của Thầy chưa?

- Người quyền thế lớn nhất có thể hạ mình như AĂĂ không?

- AĂĂ chính là Thầy.

- Thầy đến với các con như thế này, các con thương Thầy không?"

## LẬP TỜ KHAI ĐẠO

Trong bài viết “Vọng Thiên Cầu Đạo,” sự kiện ba ông: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và Cao Hoài Sang được Đấng AẢ tiết lộ rằng Ngài chính là Ngọc Hoàng Thượng Đế và thâu nhận họ làm môn đệ, dạy họ gọi Ngài là Thầy, đã được tường thuật chi tiết. Bài viết hôm nay tiếp tục thuật lại sự việc ba ông nhận lệnh Đức Chí Tôn đến nhà ông Lê Văn Trung để truyền dạy, và sau đó nhận ông Trung làm môn đệ, giao cho ông nhiệm vụ chuẩn bị Tờ Khai Đạo và thông báo cho chính quyền Pháp. Kính mời quý đồng đạo cùng tìm hiểu.

### **Ông Lê Văn Trung Trở Thành Môn Đệ Cao Đài**

Ngày 7 tháng 1 năm 1926, Đức Cao Đài Thượng Đế truyền dạy các ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đem Đại Ngọc cơ đến nhà ông Lê Văn Trung tại Chợ Lớn để nhận sự chỉ dẫn. Ông Lê Văn Trung lúc đó đang giữ chức Nghị Viên Hội Đồng Thượng Nghị Viện Đông Dương. Khi đến

nơi, các ông trình bày ý định, và ông Trung vui vẻ chấp thuận, cùng họ thiết lập đàn cơ. Trong đàn cơ này, ông Lê Văn Trung được Đức Chí Tôn thu nhận làm môn đệ và dạy ông phải cùng ông Cư và ông Tắc lo việc mở Đạo. Vâng theo Thánh ý, ông sẵn sàng xả thân, gác lại mọi việc gia đình để dẫn thân vào con đường hành đạo. Thời gian sau, Đức Chí Tôn ân phong ông Lê Văn Trung làm Thượng Đầu Sư, Thánh danh Thượng Trung Nhựt.

Ngày 29 tháng 9 năm 1926, Ngài Thượng Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, tuân theo Thánh ý của Đức Chí Tôn, cùng với các chức sắc Thiên phong và đạo hữu, tổng cộng 247 người, họp tại nhà ông Nguyễn Văn Tường tại Quận 1, Sài Gòn, để soạn Tờ Khai Đạo gửi lên chính quyền Pháp. Tờ Khai Đạo này đã được dâng lên cho Đức Chí Tôn xem xét trước.

### **Diễn Tiến Việc Lập Tờ Khai Đạo**

- Đàn cơ ngày 16-8-Bính Dần (dl 22-9-1926), Đức Chí Tôn dạy: "Các con xin chánh phủ Lang Sa dặng khai Đạo thì cực chẳng đã Thầy ép lòng mà chịu vậy cho từng nơi Thiên cơ. Thầy rất đau lòng mà chịu vậy, chớ biết sao!"

- Đức Chí Tôn dạy hai Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt: "Trung, Lịch, hai con phải hội chư Thánh mà xin khai Đạo. Phải làm đơn mà dâng cho Thầy xem xét sửa trước nghe!" (TNHT, ngày 16-8-Bính Dần).

- Đúng một tuần lễ sau, ngày 23-8-Bính Dần (dl 29-9-1926), các môn đệ gồm cả thầy 247 tín đồ nam nữ họp đại hội tại nhà Ông Nguyễn Văn Tường, tất cả môn đệ đều đồng ý ký tên vào Tờ Khai Đạo do Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt dự thảo bằng tiếng Pháp.

- Sau đó, quý Ngài lập đàn cơ tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để dâng Tờ Khai Đạo lên cho Đức Chí Tôn duyệt xét.

Đức Chí Tôn giảng phê:

“Mấy con không nói điều gì đến Thầy hết, nhưng thôi kệ, cứ gởi đi. Thầy dặn con, Trung, nội thứ năm tuần tới, phải đến Le Fol mà khai cho kịp nghe!”

Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt tuân lệnh Đức Chí Tôn, chờ đến thứ năm tuần tới là ngày 7-10-1926 (âl 1-9-Bính Dần), Ngài đến dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp Tờ Khai Đạo cho Ông Le Fol và được Ông Le Fol tiếp nhận.

### **Nội Dung Tờ Khai Đạo**

Trong Cao Đài Từ Điển của cố Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, Ông viết: “Bản lưu của Tờ Khai Đạo ấy đã thất lạc từ lâu, nay được thấy trong Luận văn thi Tiến Sĩ Đệ Tam Cấp của một sinh viên Pháp tên là Pierre Bernardini nhan đề: Le Caodaïsme au Cambodge, Université de Paris VII, 1974, page 282, 283, 284. Chúng tôi xin chép ra sau đây để rộng

đường tham khảo.” Sau đó, Tờ Khai Đạo được dịch sang tiếng Việt như sau:

**TUYÊN NGÔN CHÁNH THỨC ĐƯỢC NHỮNG NGƯỜI  
SÁNG LẬP ĐẠO CAO ĐÀI GỞI TỚI ÔNG LE FOL, THỐNG  
ĐỐC NAM KỲ**

Sài Gòn, ngày 7 tháng 10 năm 1926.

Kính Ông Thống Đốc,

Những người ký tên dưới đây hân hạnh kính báo cho Ông biết những điều dưới đây:

Tại Đông Dương đã có ba nền tôn giáo (Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo). Tổ Tiên của chúng tôi tu hành theo ba giáo lý ấy và đã sống hạnh phúc nhờ nghiêm chỉnh tuân theo những lời giáo huấn tốt đẹp của các vị Tổ Sư Tam giáo truyền dạy.

Vào thời xưa, người ta sống không lo âu, đến nỗi người ta có thể ngủ không đóng cửa và cũng không thềm lượm của rơi ngoài đường. (Gia vô bế hộ, lộ bất thập di), ấy là câu ngôn ngữ ghi chép trong sử sách của chúng tôi.

Than ôi! Thời đại tốt đẹp đó không còn nữa vì những lý do sau đây:

1. Những người hành đạo của các tôn giáo ấy đã tìm cách phân chia, trong lúc đó, mục đích của tất cả tôn giáo đều

giống nhau: Làm điều thiện, tránh điều ác, và thành kính thờ phượng Đấng Tạo Hóa.

2. Họ đã làm sai lạc hoàn toàn bản chất, ý nghĩa của các giáo lý thiêng liêng quý báu ấy.

3. Sự tranh đua về lợi danh, lòng tham vọng của con người, đều là những lý do chánh của sự bất đồng tư tưởng hiện nay. Những người VN ngày nay đã hoàn toàn từ bỏ những phong tục và truyền thống tốt đẹp của thời xưa.

Ngao ngán trước tình trạng các sự việc nêu trên, một nhóm người VN có nhiệt tâm với truyền thống và tôn giáo, đã nghiên cứu cải cách các tôn giáo nói trên, để nắn đúc thành một tôn giáo duy nhất gọi là Đạo Cao Đài hay Đại Đạo.

Danh từ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có nghĩa là Đại Ân Xá Kỳ Ba, được Đấng Chí Linh ban cho và Ngài đã đến giúp đỡ những người ký tên dưới đây thành lập nền Tân Tôn giáo ấy.

Đấng Chí Linh đã đến dưới danh xưng Ngọc Hoàng Thượng Đế, gọi là Cao Đài hay Đấng Tối Cao, Thượng Đế Toàn Năng.

Qua trung gian của các đồng tử phò cơ, Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế truyền cho những người ký tên dưới đây những bài Thánh giáo có mục đích cô đọng và giảng dạy các giáo huấn tốt đẹp của ba nền tôn giáo xưa.



Tân Giáo lý sẽ dạy cho dân chúng:

1. Luân lý cao thượng của Đức Khổng Tử.
2. Đạo đức ghi trong Phật giáo và Lão giáo. Đạo đức ấy bao gồm làm điều thiện, tránh điều ác, yêu thương như loại, thực hành sự hòa hợp, hoàn toàn tránh chia rẽ và chiến tranh.

Những người ký tên dưới đây hân hạnh trình bày với ông:

1. Vài đoạn trích lục của tập Thánh Ngôn của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, những lời nói được đánh giá là quý báu hơn hết tất cả những gì hiện có nơi cõi phàm trần.
2. Bản dịch vài đoạn trong quyển Kinh Cầu Nguyện mà Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã dạy chúng tôi.

Mục đích theo đuổi của những người ký tên dưới đây là đem dân chúng trở lại thời thái bình và hòa hợp của thời xưa. Như thế, con người sẽ hưởng về một thời đại mới rất hạnh phúc, khó tả ra đặng.

Nhân danh đồng đảo dân chúng Việt Nam mà họ đã hoàn toàn tán thành những điều nghiên cứu này, có danh sách đính kèm theo đây, những người ký tên dưới đây hân hạnh và kính cẩn bày tỏ với Ông là những người ấy sẽ đi phổ thông cho toàn thể như loại Giáo lý thiêng liêng này.

Tin tưởng trước rằng, nền Tân Tôn giáo này sẽ đem lại cho tất cả chúng ta hoà bình và hòa hợp, những người ký tên

dưới đây yêu cầu Ông tiếp nhận chánh thức Bản Tuyên Ngôn của họ.

Những người ký tên dưới đây xin Ông Thống Đốc vui lòng chấp nhận sự chắc chắn của những tình cảm tôn kính và chân thành của họ.

KÝ TÊN:

- Bà Lâm Ngọc Thanh, Nghiệp chủ ở Vũng Liêm.
- Ông Lê Văn Trung, Cựu Thượng Nghị Viện thọ Ngũ đẳng bửu tinh, Chợ Lớn.
- Lê Văn Lịch, thầy tu làng Long An, Chợ Lớn.
- Trần Đạo Quang, thầy tu làng Hạnh Thông Tây Gia Định.
- Nguyễn Ngọc Tương, Tri Phủ, Chủ Quận Cần Giuộc.
- Nguyễn Ngọc Thơ, Nghiệp chủ Sài Gòn.
- Lê Bá Trang, Đốc Phủ Sứ, Chợ Lớn.
- Vương Quan Kỳ, Tri Phủ, Sở Thuế Thân, Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Kinh, thầy tu, Bình Lý Thôn, Gia Định.
- Ngô Tường Vân, Thông Phán, Sở Tạo Tác Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Đạt, Nghiệp chủ Sài Gòn.
- Ngô Văn Kim, Điền chủ, Đại Hương Cả Cần Giuộc.

- Đoàn Văn Bản, Đốc học trường Cầu Kho.
- Lê Văn Giảng, Thơ ký kế toán hãng Ippolito Sài Gòn.
- Huỳnh Văn Giới, Thông Phán Sở Tân Đáo Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Tường, Thông ngôn Sở Tuần Cảnh Sài Gòn.
- Cao Quỳnh Cư, Thơ ký Sở Hòa Xa Sài Gòn.
- Phạm Công Tắc, Thơ Ký Sở Thương Chánh Sài Gòn.
- Cao Hoài Sang, Thơ Ký Sở Thương Chánh Sài Gòn.
- Nguyễn Trung Hậu, Đốc học trường Tư thực Dakao.
- Trương Hữu Đức, Thơ ký Sở Hòa Xa Sài Gòn.
- Huỳnh Trung Tuất, Nghiệp chủ Chợ Đũi Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Chức, Cai Tổng Chợ Lớn.
- Lại Văn Hành, Hương Cả Chợ Lớn.
- Nguyễn Văn Trò, Giáo viên Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Hương, Giáo viên Dakao.
- Võ Văn Kính, Giáo tập Cần giuộc.
- Phạm Văn Tỉ, Giáo tập Cần Giuộc.

# **ĐẠI LỄ HOẰNG KHAI ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**

Sau khi Ngài Thượng Đầu Sư Thượng Trung Nhật, tuân theo Thánh ý của Đức Chí Tôn, cùng với 247 chức sắc Thiên phong và đạo hữu soạn Tờ Khai Đạo, Ngài đã đích thân đến dinh Thống Đốc Nam Kỳ để nạp Tờ Khai Đạo, và được chính quyền Pháp tiếp nhận. Tiếp đó, Đức Chí Tôn truyền dạy các vị chức sắc chuẩn bị chu đáo cho việc khai Đạo. Ngày tổ chức Đại Lễ Khai Đạo được Đức Chí Tôn ấn định là rằm Hạ nguơn năm Bính Dần (ngày 15 tháng 10 năm Bính Dần), diễn ra tại Thánh Thất tạm đặt ở chùa Gò Kén, Tây Ninh.

Đức Chí Tôn ra lệnh các chức sắc tạm ngưng công cuộc truyền Đạo tại Lục tỉnh, trở về chung tay chuẩn bị cho ngày Đại Lễ, để Đạo Cao Đài chính thức ra mắt trước

chính quyền thuộc địa Pháp, trước quốc dân và các dân tộc trên toàn thế giới.

### **Thánh Giáo Đức Chí Tôn Dạy Về Việc Khai Đạo**

Trong bài Thánh Ngôn Ngày thứ bảy 12-8-Bính Dần (dl 18-9-1926) Đức Chí Tôn dạy như sau:

"Các con! Thầy đã lập thành Thánh Thất, nơi ấy là nhà chung của các con, biết à!

Thầy lại qui Tam giáo lập Tân Luật, trong rằm tháng 10 có Đại Hội cả Tam giáo nơi Thánh Thất. Các con hay à!

Sự tế tự sửa theo Tam Kỳ Phổ Độ, cũng nơi ấy mà xuất hiện ra, rõ à!

Thầy nhập ba Chi làm một là chủ ý qui tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà, Thầy làm Cha chưởng quản, hiểu à!

Từ đây trong nước Nam duy có một đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là Quốc Đạo, hiểu à!

Thầy buộc các con phải hiệp chung trí mà lo vào đó, nghe à! Từ đây các con sẽ cực nhọc hơn, vì Thầy phân phát phận sự cho mỗi đứa, vì chẳng vậy, các con sanh nạnh nhau, tựa hồ chia phe phân phái là điều đại tội trước mắt Thầy, nghe à!

Các con phải ngưng mọi việc mà chung lo trong Đại Hội."

### **Đại Lễ Khai Đạo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**

Trong Đại Lễ Khai Đạo ngày 15 tháng 10 năm Bính Dần, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật, thay mặt Hội Thánh, đã trang trọng mời các quan chức cao cấp của nhà cầm quyền Pháp tại Nam Kỳ, cùng các chủ nhiệm và ký giả báo chí ở Sài Gòn, đông đảo nhân sĩ trí thức, đến tham dự buổi lễ long trọng được tổ chức tại Thánh Thất tạm thời ở chùa Gò Kén, Tây Ninh.

Tại Thánh Thất, Hội Thánh, tuân theo lời dạy bảo của Đức Chí Tôn, đã sắp đặt chu đáo, phân công trách nhiệm rõ ràng, nên việc tiếp đãi các quan khách diễn ra rất ân cần, nồng hậu. Bốn đạo cùng chư thiện nam tín nữ từ khắp nơi trong nước hội tụ về tham dự đông đảo, tạo nên khung cảnh vượt ngoài sức tưởng tượng của cả chính quyền đương thời.

Điểm đặc biệt trong ngày Đại Lễ này là Hội Thánh không nhận tiền bạc hỷ cúng của nhơn sanh, mà chỉ thu nhận những phẩm vật cúng dường như trái cây, bông hoa, trà, và nhang đèn. Đại Lễ Khai Đạo đã gây được tiếng vang lớn khắp Nam Kỳ, lan rộng tới nước Pháp và cả cộng đồng quốc tế. Nhiều tờ báo ở Sài Gòn, cả báo chữ Việt và chữ Pháp, đã tường thuật chi tiết về Đại Lễ, đăng kèm nhiều hình ảnh, và sau đó các báo chí tại Pháp cũng tiếp tục đăng tải, thu hút sự chú ý trên trường quốc tế.

Dù Đại Lễ Khai Đạo chính thức kết thúc sau ba ngày, thiện nam tín nữ từ khắp các tỉnh vẫn tiếp tục đổ về Thánh Thất Gò Kén để nhập môn và lễ bái không ngớt. Đặc biệt, nhiều người dân Cao Miên từ tỉnh Soài Riêng cũng lũ lượt đến nhập môn và làm công quả, kéo dài liên tục suốt gần ba tháng.

## TIÊN TRI VỀ SỰ XUẤT HIỆN ĐẠO CAO ĐÀI Ở VIỆT NAM

Đạo Cao Đài, hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là tôn giáo được khai sáng tại Việt Nam vào đầu thế kỷ 20 với tôn chỉ phổ độ chúng sanh trong thời kỳ Hạ nguơn. Sự xuất hiện của Đạo Cao Đài tại Việt Nam mang theo thông điệp thiêng liêng về thời Đại Ân Xá, hướng về công bằng, bác ái, tự do, dân chủ, đáp ứng cho nhu cầu đạo đức và tinh thần của con người trong bối cảnh xã hội đương thời đầy biến động. Bài viết này dựa trên những lời Thánh Ngôn để minh chứng cho sứ mệnh đặc biệt mà Đức Chí Tôn đã ban xuống, cùng lời kêu gọi về một con đường tu học mới cho nhơn loại, bắt đầu từ Việt Nam, đến toàn thế giới.

Trước hết, sự ra đời của Đạo Cao Đài không phải là ngẫu nhiên, mà được tiên tri bởi Thiên cơ. Đức Chí Tôn tiết lộ: *“Còn đạo mới khai lập, tuy xuất hiện chưa đầy một năm, chớ chư Tiên, chư Phật đã lập cùng cả Năm Châu.”* (TNHT



Q1). Điều này cho thấy rằng, mặc dù Đạo Cao Đài chỉ mới xuất hiện tại Việt Nam, nhưng sứ mệnh đã được các Đấng Tiên, Phật cùng thực thi trên khắp thế giới, tương tự như cách các Đấng Thiêng Liêng trước đây từng truyền giáo để chuẩn bị cho sự xuất hiện của các tôn giáo lớn.

Đạo Cao Đài không chỉ là một tôn giáo mới, mà là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, qui nguyên và hiệp nhất Tam Giáo (Phật, Lão, Nho) nhằm giải thoát chúng sanh khỏi vòng khổ đau. Đức Chí Tôn dạy: *“Đại Đạo Tam Kỳ hoằng khai tại cõi Nam, đã chiếu theo Thiên thư hội Tam giáo mà vớt chúng sanh, thoát vòng ly khổ.”* (TNHT Q2). Điều này nhấn mạnh rằng Đạo Cao Đài ra đời không chỉ để mở ra một con đường tâm linh cho dân tộc Việt Nam, mà còn là cứu cánh cho chúng sanh trong cõi trần thế đầy khổ ải.

Một yếu tố quan trọng trong sự ra đời của Đạo Cao Đài là lòng từ bi và đức hạo sanh của Đức Chí Tôn. Đức Ngài nói rõ: *“Thầy vì đức hạo sanh nên chẳng kể bực Chí Tôn cầm quyền thế giá, đến lập Đại Đạo Tam Kỳ trong lúc Hạ nguơn này mà vớt sanh linh khỏi vòng khổ hải.”* (TNHT Q2). Với lòng thương xót sanh linh, Đức Chí Tôn đã mở ra con đường Đại Đạo Tam Kỳ, giúp con người thoát khỏi vòng luân hồi và đạt đến sự giải thoát cao cả.

Ngoài ra, Đạo Cao Đài xuất hiện với sứ mệnh đặc biệt trong việc tái lập đạo đức và tình thương yêu trong nhơn loại, đặc biệt là tại miền Nam Việt Nam. Đức Chí Tôn nhắn nhủ: *“Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này, là cốt để ban thưởng một nước từ thuở đến giờ hằng bị lầm cơn thanh nộ của Thầy.”* (TNHT Q2). Điều này chỉ rõ rằng, sự khai sinh của Đạo Cao Đài tại Việt Nam là một hồng ân đặc biệt, nhằm bù đắp cho những thử thách và đau khổ mà dân tộc Việt đã phải trải qua, mở ra một con đường thiêng liêng và vinh diệu.

Cuối cùng, Đạo Cao Đài không chỉ xuất hiện để đáp ứng cho những người có duyên phần ở Việt Nam, mà còn mở rộng lòng nhân từ cho cả nhơn loại. Đức Chí Tôn khẳng định: *“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chiếu theo luật Thiên Đình Hội Tam Giáo, mở rộng mối Đạo Trời, ấy cốt để dìu dắt nhơn sanh bước lên con đường Cực Lạc, tránh khỏi đọa luân hồi.”* (TNHT Q2). Đạo Cao Đài đã khai mở thời Đại Ân Xá thiêng liêng từ cõi Thiên Liêng, với mục tiêu cao thượng là nâng đỡ chúng sanh, hướng dẫn con người đến sự giải thoát tâm linh, tránh khỏi khổ ải của vòng sanh tử.

Tóm lại, sự xuất hiện của Đạo Cao Đài tại Việt Nam là một sứ mệnh thiêng liêng, đã được tiên tri và an bài từ lâu. Những lời dạy của Đức Chí Tôn nhấn mạnh vai trò của Đạo Cao Đài trong việc cứu rỗi nhơn sanh, giải thoát khỏi

những khổ đau trần thế và tạo điều kiện cho nhơn loại đạt đến sự hoàn thiện tâm linh. Đạo Cao Đài không chỉ mang ý nghĩa đặc biệt với người Việt Nam, mà còn là thông điệp hy vọng và tử bi cho toàn thế giới, giúp con người tìm thấy con đường trở về nguồn cội và đạt đến cảnh giới Cực Lạc.

## NƯỚC VIỆT NAM ĐƯỢC CHỌN ĐỂ KHAI ĐẠO CAO ĐÀI

Việt Nam là một đất nước với lịch sử và văn hóa phong phú, được hun đúc bởi truyền thống thờ cúng Tổ tiên, lòng thành kính đối với các Đấng Thiêng Liêng và đức tính kiên nhẫn, nhẫn nại trước những khó khăn của thời cuộc. Chính những yếu tố này đã trở thành nền tảng, giúp cho Việt Nam được Đức Chí Tôn lựa chọn làm nơi khai sinh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ – một tôn giáo mới với sứ mệnh cứu rỗi và phổ độ nhân loại trong thời kỳ Hạ nguơn. Qua các Thánh Ngôn, chúng ta thấy rõ lý do vì sao đất nước Việt Nam được chọn làm nơi để khai mở một con đường tâm linh mới cho thế giới.

Trước hết, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ là một tôn giáo, mà là Thiên cơ nhằm giải thoát nhân loại khỏi vòng khổ đau, trong đó Việt Nam là điểm khởi đầu. Đức Chí Tôn dạy rằng: *“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hoàng khai tại cõi*

*Nam, đã chiếu theo Thiên thư hội Tam Giáo mà vớt chúng sanh thoát vòng ly khổ, thiệt thiệt hư hư một máy chi cũng chẳng qua là máy Thiên cơ mà thôi.”* (TNHT Q2). Với sứ mệnh qui nguyên Tam giáo (Phật, Lão, Nho) trong một nền Đại Đạo, Việt Nam được giao trọng trách thiêng liêng để truyền bá một mối Đạo Trời, dẫn dắt chúng sanh vượt qua những thử thách của thời đại.

Đức Chí Tôn cũng tiết lộ rằng việc lập Đạo tại Việt Nam không chỉ là một sự tình cờ, mà là một hồng ân ban xuống cho một đất nước đã chịu nhiều khổ đau trong lịch sử. Người dạy: *“Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này, là cốt để ban thưởng một nước từ thử đến giờ hằng bị lăm cơn thanh nộ của Thầy. Thầy lại tha thứ, lại còn đến ban thưởng một cách vinh diệu.”* (TNHT Q2). Những dòng Thánh Ngôn này thể hiện lòng từ bi và đức háo sanh của Đức Chí Tôn đối với dân tộc Việt Nam, xem đây là cơ hội đặc biệt để Việt Nam thoát khỏi những cơn biến động, hòa mình vào một con đường mới, tinh thần cao thượng, hòa bình và dân chủ.

Việt Nam, với nền văn hóa tôn sùng Tổ tiên, được xem là nơi thích hợp để duy trì những giá trị đạo đức và nhân văn của Đạo Cao Đài. Đức Chí Tôn dạy: *“Chỉ có xứ Việt Nam còn duy trì được sự tôn sùng Tổ phụ theo tục lệ cổ truyền, mặc dầu xứ ấy chỉ biết chịu ở dưới quyền lệ thuộc từ ngày*

*được tạo lập đến giờ.”* (TNHT Q1). Với nền tảng vững chắc về lòng hiếu kính và tình yêu thương gia đình, Việt Nam trở thành vùng đất thuận lợi để gieo mầm cho nền Đạo Chánh, nơi mà các giá trị truyền thống và tinh thần Đạo Cao Đài có thể phát triển và lan tỏa.

Ngoài ra, Đức Chí Tôn còn cho biết thêm rằng: *“Thầy có hội chư Tiên Phật lại mà thương nghị về sự lập Đạo tại Đại Nam Việt Quốc.”* (TNHT Q1). Điều này thể hiện rõ rằng việc chọn Việt Nam là nơi khai Đạo không chỉ là một quyết định của riêng Đức Chí Tôn mà còn được các Đấng Thiêng Liêng đồng lòng ủng hộ. Nước Việt Nam được chọn để lãnh nhận sứ mệnh cao cả này, với sứ mệnh là các tín đồ phải đồng lòng chấn hưng đạo đức, không tranh chấp lẫn nhau mà cùng nhau xây dựng một xã hội bác ái và công bằng.

Sự xuất hiện của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại Việt Nam là minh chứng cho lòng Đại Từ Đại Bi của Đức Chí Tôn. Ngài nhắn nhủ rằng: *“Thầy lại đến lập trong nước các con một nền chánh Đạo đủ tư cách độ rỗi chúng sanh.”* (TNHT Q1). Không chỉ riêng Việt Nam, mà cả thế giới sẽ được hưởng hồng ân từ việc phổ độ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đạo Cao Đài mở ra con đường tâm linh cho mọi dân tộc, nhằm giúp chúng sanh vượt qua bể khổ và tiến đến phẩm vị cao thượng hơn trong cuộc sống tâm linh.

Tóm lại, Việt Nam được chọn làm nơi khai sinh Đạo Cao Đài, không chỉ là một sứ mệnh cao cả mà còn là Hồng Ân thiêng liêng của Đức Chí Tôn dành cho dân tộc Việt. Qua các Thánh Ngôn, chúng ta hiểu rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ dành riêng cho người Việt Nam mà còn là cho cả nhân loại, giúp mọi người đạt đến cuộc sống an lạc và đạo đức. Việt Nam, với lòng tôn kính Tổ tiên, đức tính thuần hậu và sự nhẫn nại, đã được giao trọng trách mang Đại Đạo đến với thế giới. Nền Đạo ấy chính là thông điệp hòa bình, công bằng, bác ái, tự do, dân chủ, hướng dẫn con người tìm đến sự cứu rỗi và giác ngộ.

# ĐẠO CAO ĐÀI

## ĐẠO CỦA TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Đạo Cao Đài, hay còn gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là tôn giáo được khai sáng tại Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. Đạo Cao Đài mang sứ mệnh phổ độ chúng sanh trong thời kỳ Hạ nguơn, thời kỳ cuối cùng của chu kỳ nhân loại theo lý thuyết tôn giáo. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một nền tảng chơn đạo, kết hợp và dung hòa Tam Giáo (Phật, Lão, Nho) để tạo nên một con đường cứu rỗi cho tất cả những người hữu duyên, nhằm giúp con người tránh khỏi sự đau khổ của vòng luân hồi. Qua các lời Thánh Ngôn, chúng ta hiểu rõ hơn về ý nghĩa và sứ mệnh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đối với nhân loại.

Trước hết, mục đích lớn lao của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Đức Chí Tôn khai mở là vì lòng đại từ, đại bi. Người đến lập Đạo là để cứu rỗi chúng sanh, đưa những người có lòng tu hành đến địa vị cao thượng. Đức Chí Tôn dạy rằng: *“Ta vì lòng đại từ đại bi, vẫn lấy đức háo sanh mà dựng nên mối Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ; tôn chỉ để vớt những kẻ hữu phần vào nơi địa vị cao thượng, để tránh khỏi số mạng luân hồi.”* (TNHT Q1). Lời dạy này chỉ rõ



rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ là một tôn giáo, mà còn là một phương tiện để con người đạt đến sự giải thoát và tránh khỏi cảnh luân hồi đau khổ.

Sứ mệnh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đặc biệt quan trọng vì đây là thời kỳ cuối cùng của chu kỳ nhơn loại, nơi mà con người sẽ đối diện với các thử thách của Thiên điều. Đức Chí Tôn đã nhắn nhủ: *“Chư tăng, chư chúng sanh hữu căn hữu kiếp đặng gặp kỳ Phổ Độ này là lần chót; phải ráng sức tu hành đừng mơ mộng hoài trong giả luật.”* (TNHT Q1). Điều này thể hiện sự khẩn thiết và cơ hội duy nhất để con người có thể cứu mình khỏi những họa kiếp do hành động bất thiện của chính mình.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ cứu rỗi một phần nhân loại mà là cứu độ cả thế giới, đưa mọi người từ khắp năm châu đến với con đường chánh Đạo. Trong lời Thánh Ngôn, Đức Chí Tôn nhấn mạnh: *“Trong Tam Kỳ Phổ Độ này, các con phải độ rỗi cả nhân loại khắp năm châu thì trách nhiệm lớn lao là bực nào? Trong Tam Kỳ Phổ Độ này: Phật thì có Quan Âm, Tiên thì có Lý Thái Bạch, Thánh thì có Quan Thánh Đế Quân khai Đạo.”* (TNHT Q1). Tầm vóc lớn lao của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là kết quả của sự qui nguyên Tam giáo cùng với sự hiện diện của các Đấng Tiên Phật, cùng chung tay cứu độ chúng sanh.

Một điểm đặc biệt của Đạo Cao Đài là sự hiện diện của Đức Chí Tôn, Người tự mình làm chủ mối Đạo, không vì uy quyền của Ngài mà vì lòng đại từ bi, đến tận nơi trần thế để cứu vớt sanh linh. Đức Chí Tôn bày tỏ rõ lòng từ bi của mình: *“Ta vì thương xót sanh linh, mở Đạo Tam Kỳ để độ người hữu phước; nếu chẳng mau chân ngay giờ hầu cận, chớ Tiên Phật hội Tam Giáo xin bế lại.”* (TNHT Q1). Với sự tận tình và lòng thương vô bờ, Ngài khuyên nhủ nhơn loại hãy nhanh chóng tìm đến Đại Đạo, tránh để lỡ cơ hội duy nhất mà Ngài đã mở ra trong thời kỳ Hạ Ngươn này.

Đức Chí Tôn còn nhấn mạnh rằng mục tiêu cao cả của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là hướng dẫn nhơn loại vào cõi Cực Lạc, tránh khỏi vòng luân hồi đầy khổ đau. Ngài dạy: *“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chiếu theo luật Thiên đình hội Tam Giáo mở rộng mối Đạo Trời, ấy cốt để diu dắt nhơn sanh bước lên con đường cực lạc, tránh khỏi đọa luân hồi.”* (TNHT Q2). Những Thánh ngôn này chỉ rõ sứ mệnh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là cứu độ, không chỉ giúp con người tránh xa đau khổ trần gian mà còn đưa họ đến cuộc sống an lành nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Tóm lại, Đạo Cao Đài, qua sứ mệnh thiêng liêng, là một con đường chơn chính và đầy nhân từ mà Đức Chí Tôn đã mở ra cho toàn nhơn loại. Qua những lời Thánh Ngôn, chúng ta nhận thấy rõ ràng rằng sự xuất hiện của Đạo Cao

Đài là một ân huệ lớn lao, giúp nhơn loại vượt qua những thử thách và hướng tới cuộc sống hạnh phúc, hòa bình. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ phổ độ những người có lòng tu hành mà còn lan tỏa tình thương và lòng từ bi đến tất cả mọi người. Như vậy, Đạo Cao Đài thật sự là Đạo của Tam Kỳ Phổ Độ, mang đến cho nhơn loại con đường cứu rỗi và sự giác ngộ trong thời kỳ sau cùng của kiếp sống trần ai.

## HỮU DUYÊN GẶP ĐẶNG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Trong vòng sinh tử của luân hồi, có được duyên lành gặp được Đạo, lại đúng vào thời kỳ Tam Kỳ Phổ Độ là một cơ hội vô cùng hiếm hoi và đáng quý. Đạo Cao Đài xuất hiện vào giai đoạn cuối của chu kỳ Hạ Ngươn, nhằm phổ độ chúng sanh và cứu rỗi những người có duyên lành. Thế nhưng, không phải ai cũng hiểu hết được giá trị to lớn của mối Đạo Trời này. Qua lời Thánh Ngôn, Đức Chí Tôn không ngừng nhắc nhở rằng để có thể bước vào con đường chánh Đạo, mỗi người phải thực sự xem trọng cơ hội này và tu dưỡng bản thân, mới có thể tránh khỏi các khổ ải của luân hồi.

Ngay từ đầu, Đức Chí Tôn nhấn mạnh rằng việc lập nên Tam Kỳ Phổ Độ không phải là việc thường tình, mà chính là một Hồng Ân từ Trời ban xuống để cứu độ những người hữu duyên. Ngài dạy: *“Mở một mối Đạo chẳng phải là sự*

*thường tình, mà sanh nhằm đời đặng gặp một mối Đạo cũng chẳng phải dễ.” (TNHT Q1). Mỗi con người, nếu có duyên may mắn để gặp Đạo, cần phải trân quý cơ hội này và chuyên tâm tu hành, không nên lãng phí phước duyên quý báu đã ban cho.*

Trong thời kỳ Tam Kỳ Phổ Độ, con người có thể tìm đến Đạo như một con đường cứu rỗi duy nhất để thoát khỏi sự khổ đau và phiền não của cõi đời. Đức Chí Tôn nhắc nhở: *“Ta nói cho chúng sanh biết rằng: gặp Tam Kỳ Phổ Độ này mà không tu thì không còn trông mong siêu rỗi.” (TNHT Q1). Đối với những ai nhận thức rõ cơ hội này, đây chính là lúc để họ gắn kết với con đường chánh Đạo, tránh lãng phí cuộc đời trong những ham mê vật chất và ảo tưởng trần gian.*

Không những vậy, Đức Chí Tôn còn nhắc rằng Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một mối Đạo huyền vi, chứa đựng những giáo lý cao cả, và là phương tiện để những người hữu duyên bước lên con đường của sự siêu thoát. Ngài dạy rằng: *“Đạo Trời khai ba lượt, nguồn Thánh độ muôn người, thìn lòng để bước vào nẻo thẳng đường ngay, mà kiếm cho thấu đáo mối huyền vi.” (TNHT Q2). Điều này nhắc nhở mỗi tín đồ rằng khi gặp được Đạo, họ không nên chỉ dừng lại ở việc tìm hiểu bề ngoài, mà cần phải đào sâu, trau dồi*

phẩm hạnh và chân thành tu học để thực sự nắm bắt được tinh hoa của giáo lý.

Đức Chí Tôn còn khẳng định rằng Đạo Cao Đài không chỉ là một tôn giáo, mà chính là nguồn sống để cứu giúp tất cả chúng sanh vượt qua khổ ải và thoát khỏi vòng trầm luân. Ngài nhấn nhủ: *“Thầy lấy đức háo sanh mở Đạo lần ba mà vớt kẻ hữu phần, tránh khỏi nơi buộc ràng khổ phạt. Ai hữu phước đặt để chân vào, kẻ vô phần phải bị tà yêu cám dỗ.”* (TNHT Q2). Sứ mệnh của Tam Kỳ Phổ Độ không chỉ là giảng dạy, mà còn là phương tiện để mỗi người thoát khỏi sự ràng buộc của khổ đau, miễn là họ có đủ duyên phần và lòng thành.

Tóm lại, có thể nói rằng, hữu duyên gặp được Tam Kỳ Phổ Độ là một may mắn lớn lao mà không phải ai cũng có được trong kiếp người. Những lời Thánh Ngôn là lời nhắc nhở cho tất cả chúng ta rằng, cơ hội gặp Đạo không dễ dàng, và nếu đã gặp được, thì phải biết trân quý và tận dụng để tu học, tự cứu mình và hướng đến sự giải thoát. Đạo không chỉ là nơi con người tìm thấy bình yên mà còn là cánh cửa mở ra con đường thoát khỏi sự khổ đau luân hồi. Vì thế, hãy trân trọng và gắn bó với Đạo để không phụ ân huệ lớn lao mà Đức Chí Tôn đã ban xuống cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ này.

# TINH THẦN HÒA ĐỒNG TÔN GIÁO DÂN TỘC VIỆT

Mỗi dân tộc đều có một cá tính đặc trưng, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Với Việt Nam, đặc tính dân tộc ấy chính là tinh thần tổng hợp, một phần do vị trí địa lý nằm giữa hai nền văn minh cổ đại lớn của thế giới là Ấn Độ và Trung Hoa. Chính nhờ tính chất tổng hợp này mà dân tộc Việt Nam đã đón nhận các yếu tố tinh hoa từ Đạo Khổng, Đạo Lão của Trung Hoa và Đạo Phật từ Ấn Độ, tạo nên một bức tranh văn hóa đa dạng và phong phú.

Khi các tôn giáo lớn du nhập vào Việt Nam, thay vì xung đột hoặc tách biệt, các tôn giáo này đã hòa nhập vào tín ngưỡng cổ truyền của người Việt, góp phần hình thành tinh thần "Tam Giáo đồng nguyên" – sự hòa hợp giữa Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo. Tinh thần này không chỉ thấm nhuần trong đời sống người dân mà còn được phát huy dưới triều đại các vua nhà Lý và nhà Trần. Đặc biệt, các vua triều Lý như Lý Thái Tổ và Lý Cao Tông đã thể hiện tinh thần kính trọng cả ba tôn giáo, không chỉ bằng

cách truyền bá mà còn tổ chức các kỳ thi Tam Giáo. Đến thời vua Trần Thái Tông, tinh thần Tam Giáo đồng nguyên càng được đẩy mạnh và thể hiện rõ qua các tác phẩm văn học của nhà vua.

Vào cuối triều đại nhà Trần, tinh thần Tam Giáo bắt đầu lan tỏa sâu hơn vào tầng lớp nông dân và đời sống thôn quê. Ở các làng Việt Nam, hình ảnh chùa, đình, miếu, điện, đền đã trở thành biểu tượng chung của làng xã, là nơi thờ tự không chỉ dành cho một tôn giáo mà là không gian tín ngưỡng chung của cả dân làng. Người dân có thể vừa đi lễ chùa, vừa đến đình cúng bái, hoặc mang phẩm vật đến đền thờ mà không có sự phân biệt tôn giáo nào riêng biệt. Trong các ngôi chùa Việt Nam, ta có thể dễ dàng bắt gặp sự hòa hợp độc đáo giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian: bên cạnh tượng Phật còn có Thổ Thần, Thánh Mẫu, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Tào, Bắc Đẩu, thậm chí có cả tượng các vị thần mưa, mây, sấm, chớp – tất cả đều cùng chung một không gian thờ cúng.

Đến thế kỷ 17, khi dân tộc Việt bắt đầu mở mang bờ cõi về phương Nam, nền tín ngưỡng Việt Nam còn được bổ sung thêm yếu tố từ văn hóa Chăm Pa với các tín ngưỡng như thờ cá voi của ngư dân miền duyên hải và sùng bái Thánh Mẫu Thiên Y Ana, vị nữ thần của người Chăm. Song song với sự tiếp thu tín ngưỡng bản địa, Thiên Chúa giáo từ



phương Tây cũng bắt đầu du nhập vào Việt Nam. Dù tiếp nhận nhiều tôn giáo và tín ngưỡng khác nhau, người Việt vẫn duy trì và phát huy tinh thần tổng hợp, hòa đồng.

Chính từ những dòng lịch sử, văn hóa, và sự hòa hợp tôn giáo này, một tôn giáo mới đã ra đời ở miền Nam Việt Nam vào đầu thế kỷ 20, mang theo tinh thần "Quy Nguyên Tam Giáo, Hiệp Nhất Ngũ Chi" – đó là Đạo Cao Đài. Sự ra đời của Đạo Cao Đài, hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là sự kết tinh từ tinh thần tổng hợp hòa đồng vốn là nét đặc trưng của dân tộc Việt. Đạo Cao Đài không chỉ là một tôn giáo mới mà còn là biểu tượng cho lòng bao dung, tinh thần đại đồng, hội tụ tinh hoa các giáo lý truyền thống, nhằm mang đến cho con người một con đường tu hành hợp nhất, đồng thời cũng là cách thức giúp dân tộc Việt giữ vững tinh thần đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau giữa các tôn giáo.

Tóm lại, sự xuất hiện của Đạo Cao Đài là minh chứng cho thấy Việt Nam không chỉ là mảnh đất dễ tiếp nhận các giá trị tôn giáo khác nhau mà còn là nơi dung hòa, tổng hợp tạo nên một nền văn hóa tôn giáo phong phú, đa dạng và thống nhất.





*"Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này, là cốt để ban thưởng một nước từ thử đến giờ hằng bị lấm cơn thanh nộ của Thầy. Thầy lại tha thứ, lại còn đến ban thưởng một cách vinh diệu."*

Ấn Hành  
Thánh Thất Portland  
15533 SE Division St.  
Portland, OR 97124  
Phone: (971) 409-5781